

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 7929/SXD-KHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 10 năm 2026

V/v thẩm định, trình phê duyệt
điều chỉnh dự án: Sửa chữa
khắc phục tuyến quốc lộ 24B
(Km71+510)

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-SXD ngày 12/01/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh

Quảng Ngãi về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phương án sử dụng nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, khắc phục tuyến Quốc lộ 24B (Km71+510);

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-SXD ngày 05/8/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, khắc phục tuyến Quốc lộ 24B (Km71+510);

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-SXD ngày 11/09/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt hủy thông báo mời thầu số IB2600435365 gói thầu thi công xây dựng công trình: Sửa chữa, khắc phục tuyến Quốc lộ 24B (Km71+510);

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình điều chỉnh do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 39 lập và Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại và Đầu tư Phú Bình thẩm tra, đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1213/QĐ-SXD ngày 05/8/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng:

1. Tên dự án: Sửa chữa, khắc phục tuyến Quốc lộ 24B (Km71+510).
2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình thuộc dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm C; Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ.
3. Địa điểm xây dựng dự án; diện tích sử dụng đất của dự án:
 - Địa điểm xây dựng dự án: Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
 - Diện tích sử dụng đất của dự án: khoảng 0,88 ha.
4. Người quyết định đầu tư: Giám đốc Sở Xây dựng (Ủy quyền theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh).
5. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 39.
7. Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại và Đầu tư Phú Bình.
8. Mục tiêu dự án: Xử lý kiên cố chống sạt lở, xử lý ổn định nền đường, gia cố hệ thống thoát nước nhằm duy trì khả năng khai thác, bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến, kéo dài tuổi thọ công trình.
9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô công suất: Sửa chữa đoạn từ Km71+412 - Km71+606,51, trong đó:

- Sửa chữa taluy âm: Tường chắn đất taluy âm bằng bê tông cốt thép; Móng tường chắn bằng cọc khoan nhồi đường kính $D=1\text{m}$, chiều dài cọc $L=6\text{m}$ khoan vào tầng đất, đá ổn định bên dưới. Phạm vi taluy âm trên đỉnh tường chắn được gia cố mái bằng bê tông + bê tông cốt thép, khung giằng mái taluy bằng bê tông cốt thép; gia cố chống xói bằng rọ đá học bọc nhựa PCV. Đắp bù xói lở taluy bằng đất đồi chọn lọc.

- Gia cố mương thoát nước dọc bằng bê tông kết hợp gia cố lề đường.

- Di dời và hoàn trả lại đoạn tường hộ lan mềm.

9.2. Giải pháp thiết kế:

a) Hạng mục tường chắn BTCT và tường chắn rọ đá chống xói lở:

- Chiều dài thiết kế tường chắn BTCT $L=47,26\text{m}$; thân, móng tường chắn bằng BTCT 25MPa, phía trong bố trí tầng lọc ngược dọc theo tường chắn với kết cấu bằng đá 2×4 được bọc bởi lớp vải địa kỹ thuật, đắp đất đầm chặt $K\geq 0,95$ sau lưng tường chắn; Gia cố mái taluy phía trên tường chắn bằng khung dầm giằng kết hợp bê tông 12MPa dày 15cm; Móng tường chắn được đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính $D=1\text{m}$, chiều dài $L=6\text{m}$ và được ngàm trong lớp đá Granits, cọc khoan nhồi bằng BTCT 30 Mpa. Xếp rọ đá lưới thép bọc PVC, kích thước $(2\times 1\times 1)\text{m}$ dọc phía ngoài tường chắn trên lớp móng CPĐD dày trung bình 20cm.

- Gia cố chống xói mái taluy âm đoạn từ Km71+419,72 - Km71+488,15; Km71+535,41-Km+543,93 bằng rọ đá lưới thép bọc PVC, kích thước $(2\times 1\times 1)\text{m}$, Lớp đệm móng rọ đá bằng CPĐD dày trung bình 20cm.

b) Hạng mục thoát nước dọc:

- Thiết kế gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang hiện trạng bằng bê tông M150 dày 12cm kích thước $(1,2\times 0,4\times 0,4)\text{m}$ đoạn từ Km71+412 - Km71+606,51 để tăng cường khả năng thoát nước cho tuyến.

c) Hạng mục gia cố lề: Gia cố lề đường phạm vi từ mép đường đến rãnh thoát nước dọc và phạm vi đoạn sửa chữa taluy âm bằng bê tông M250 dày 18cm trên lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm.

d) Hạng mục an toàn giao thông: Di dời và hoàn trả lại đoạn tường hộ lan hiện trạng phía phải tuyến đoạn từ Km71+419-Km71+535.

10. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN263-2000; Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN43-90; Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN; Quy trình khảo sát và tính toán thủy văn TCVN9845:2013; Công tác trắc địa trong xây dựng TCVN9398-2012; Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN4054-2005; Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN; Thi công và nghiệm

thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông TCCS 40:2022/TCĐBVN; Thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm TCVN 8859-2023; Tiêu chuẩn thiết kế bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574-2018; Tiêu chuẩn TCVN 11823-11:2017 Thiết kế cầu đường bộ - phần 11: Mố, trụ và tường chắn; TCCS 13:2016/TCĐBVN Tường chắn rọ đá trọng lực – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu; Công tác đất-Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác.

11. Dự toán xây dựng: 9.800.000.000 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

II. Nội dung và nguyên nhân điều chỉnh

1. Tình hình thực hiện dự án

Gói thầu Thi công xây dựng công trình đã được tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng (mã TBMT: IB2600435365, đăng tải ngày 15/8/2026). Tuy nhiên, đến thời điểm đóng thầu không có nhà thầu tham dự, mặc dù đã thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu 02 lần. Trên cơ sở đó, Giám đốc Sở Xây dựng đã phê duyệt hủy thông báo mời thầu tại Quyết định số 1320/QĐ-SXD ngày 11/9/2026.

2. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh giải pháp thiết kế và dự toán xây dựng

2.1. Điều chỉnh giải pháp thiết kế

a) Hạng mục tường chắn BTCT và tường chắn rọ đá chống xói lở:

- Chiều dài thiết kế tường chắn BTCT $L=47,26\text{m}$: Giữ nguyên theo QĐ số 1213/QĐ-SXD ngày 05/8/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Ngãi đã được phê duyệt.

- Gia cố chống xói mái taluy âm (Điều chỉnh) đoạn từ Km71+425.93 -:- Km71+488.15 và Km71+535.41-:- Km71+539.93; $L=66.74\text{m}$, bằng rọ đá lưới thép bọc PVC, kích thước $(2\times 1\times 1)\text{m}$, lớp đệm móng rọ đá bằng CPDD dày trung bình 20cm.

b) Các hạng mục thoát nước dọc, gia cố lề và an toàn giao thông: Giữ nguyên theo QĐ số 1213/QĐ-SXD ngày 05/8/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Ngãi đã được phê duyệt.

2.2. Điều chỉnh dự toán xây dựng: Bổ sung thêm chi phí kiểm toán độc lập theo Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án và chi phí Thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi; cập nhật giá vật liệu xây dựng theo Thông báo số 540/TB-SXD ngày 26/9/2026 của Sở Xây dựng về giá vật liệu xây dựng quý III năm 2026 và giá nhiên liệu tại thời điểm ngày 17/9/2026.

3. Nguyên nhân điều chỉnh:

Trên cơ sở cập nhật giá vật liệu xây dựng theo Thông báo số 540/TB-SXD ngày 26/9/2026 của Sở Xây dựng về giá vật liệu xây dựng quý III năm 2026 và giá nhiên liệu tại thời điểm ngày 17/9/2026, rà soát, điều chỉnh một số nội dung của giải pháp thiết kế cho phù hợp với giá vật liệu tại thời điểm lập hồ sơ điều chỉnh, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, hiệu quả đầu tư và không làm thay đổi tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt.

(chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh kèm theo)

III. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh:

TT	Hạng mục chi phí	Đã duyệt	Điều chỉnh	Chênh lệch
1	Chi phí xây dựng:	8.287.178.000	8.355.264.000	+68.086.000
2	Chi phí quản lý:	232.041.000	233.947.000	+1.906.000
3	Chi phí Tư vấn ĐTXD	733.916.000	836.024.000	+102.108.000
4	Chi phí khác:	119.416.000	119.657.000	+241.000
5	Chi phí dự phòng:	427.449.000	255.108.000	-172.341.000
		9.800.000.000	9.800.000.000	0

(chi tiết nội dung điều chỉnh theo Hồ sơ dự toán kèm theo)

(Công văn này thay thế Công văn số 7772/SXD-KHĐT ngày 29/9/2026 của Sở Xây dựng)

Kính trình Giám đốc Sở Xây dựng chỉ đạo thẩm định phê duyệt để có cơ sở thực hiện bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Hà